

Bản án số: **169/2024/HS-ST**  
Ngày: 22-3-2024

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Ngọc Cảnh

*Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Huy Quang

Bà Nguyễn Thị Thúy

Bà Lục ThA Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN CÔNG H**, sinh ngày 01/11/19XX tại H N; ĐKHKT và nơi cư trú: Số nhà X, ngõ Y, tổ Z phường Y H, quận C G, TP Hà Nội; nghề ngh: Lao động tự do; Tr độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công N (đã mất) và bà Nguyễn Thị Minh T; có vợ Nguyễn Thị ThA T (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, có mặt.

**2. HOÀNG THU T**, sinh ngày 08/8/19XX tại T N; ĐKHKT và nơi

cư trú: Tổ X, phường H V T, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Nguyên giảng viên trường Cao đẳng y tế Thái Nguyên; Tr độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; có chồng Đinh Quang H (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, có mặt.

**3. PHẠM VIỆT C**, sinh ngày 20/6/19XX tại H N; ĐKKHKT: Số nhà X, ngách Y, phố X D, phường Q A, quận T H, TP Hà Nội; nơi cư trú: Phòng X, tòa V, lô E, đường P H, phường T H, quận C G, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; Tr độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức U (đã chết) và bà Ngô Thị P; có vợ Vương Thị H; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014, TAND quận Ba Đình xử phạt 16 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H:**

Ông **Nguyễn Hồng Hải** - Luật sư Văn phòng Luật sư Bảo Tâm thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thu T:**

Bà **Lại Thị Trang** - Luật sư Công ty Luật TNHH SHTC & PARTNERS thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

**\* Bị hại:**

**1. Chị Hoàng Thị N**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: thôn S H 2, xã V L, huyện B S, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**2. Chị Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T T, xã P T, huyện L T, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt.

**3. A Nguyễn Duy T1**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: Số X, ngõ Y L L Q, Tổ Z, phường N Đ, quận C G, TP Hà Nội, vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Hoàng Thu T**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: Tổ X, phường H V T thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên (là bị cáo trong vụ án), có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội

dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu và trả nợ cho các khoản vay cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2021, tại địa bàn thành phố Hà Nội, Hoàng Thu T (sinh năm 19XX; trú tại Tổ X, phường H V T, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên) đã dùng thủ đoạn gian dối dưới các hình thức nhận xin học, nhận xin việc; bàn bạc với các đối tượng gồm Lưu Văn A (sinh năm 19XX; trú tại số nhà XA, ngõ Y, phố H B, tổ Z, phường Y H, quận C G, Hà Nội), Nguyễn Công H (sinh năm 19XX; trú tại số nhà X, ngõ Y, tổ Z, phường Y H, quận C G, Hà Nội) thuê xe ô tô rồi mang đi cầm cố để chiếm đoạt tài sản dùng để chi tiêu cá nhân và trả nợ cho Văn A và H. Sau đó, H bàn bạc với Phạm Việt C (sinh năm 19XX; trú tại phòng X, tòa nhà V, lô E, đường P H, phường T H, quận C G, Hà Nội; là chủ cửa hàng Việt C Auto 26 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) nhận cầm cố xe ô tô do T mang đến đồng thời cho T vay lãi nặng. Cụ thể như sau:

**1. Hoàng Thu T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của chị Hoàng Thị N; chiếm đoạt số tiền 108.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H1:**

Khoảng giữa tháng 3/2021, Hoàng Thu T gọi điện thoại cho người quen là A Nguyễn Văn Tr (sinh năm 19XX; trú tại xã V L, huyện B S, tỉnh Lạng Sơn) nói dối T đang có suất cử tuyển đi học tại Học viện Biên Phòng, xem ai có nhu cầu thì giới thiệu cho T, chi phí 300.000.000 đồng. Do trước đó A Tr biết gia đình chị Hoàng Thị N (sinh năm 19XX; trú tại xã V L, huyện B S, tỉnh Lạng Sơn) muốn cho con vào học tại các trường trong Quân đội nhưng không thi được, nên A Tr đã nói chuyện với chị N và cho số điện thoại 097489XXXX của T để chị N tự liên hệ với T. Sau khi có số điện thoại của T, chị N gọi điện thoại cho T để nhờ T xin cho con là Đinh Công M (sinh năm 20XX) vào học tại Học viện Biên phòng. T đồng ý và yêu cầu chị N phải đưa số tiền 300.000.000 đồng để chi phí lo cho A M vào học. Sau đó, T hẹn chị N đến nhà ông Hoàng Văn Đ (là bố của T) ở xã V L, huyện B S, tỉnh Lạng Sơn để trao đổi cụ thể.

Ngày 21/3/2021, chị N gọi điện thoại cho T và hẹn gặp thì T bảo vợ chồng chị N mang theo 300.000.000 đồng. Do chưa biết cụ thể việc như nào

nên chị N cùng chồng là A Đinh Văn B (sinh năm 19XX) chỉ mang theo 30.000.000 đồng. Tại nhà ông Đ, T nhận sẽ lo cho con chị N được vào học tại Học viện Biên phòng, nếu không nộp tiền ngay thì người khác sẽ chen chân vào và hết xuất. Chị N nói với T chỉ mang theo 30.000.000 đồng nên đưa trước cho T, số tiền 270.000.000 đồng còn lại sẽ chuyển khoản ngay cho T. T nhận tiền và viết cho chị N 01 tờ giấy có nội dung: “Ngày 21/3/2021, cháu Hoàng Thu T, SN 19XX, địa chỉ tổ X, phường H V T TP Thái Nguyên có cầm 30 triệu đồng trong tổng số 300 triệu đồng để lo việc học tập cho con trai thứ hai nhà cô N, số tiền còn lại sẽ được giao dịch bằng chuyển khoản. Nếu không lo được việc cháu T có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền”. Sau đó, vợ chồng chị N đã 03 lần chuyển đủ số tiền 270.000.000 đồng còn lại cho T từ tài khoản của chị N số số 8411215024121 mở tại Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn đến tài khoản số 0910101113333 của T mở tại Ngân hàng Mbbank.

Sau khi nhận đủ 300.000.000 đồng của chị N, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết và nói dối với chị N sẽ có giấy gọi khám sức khỏe trong tháng 4/2021 ở Bệnh viện 108 cùng với các học sinh hệ cử tuyển khác. Đến tháng 4/2021, thấy không thấy có giấy gọi nên chị N nhắn tin đến zalo “Hoàng T” hỏi thì T nói dối do đang dịch nên hoãn khám sức khỏe, còn hồ sơ giấy tờ của con chị N thì đã lo xong hết. Tiếp theo, T lấy lý do tình hình dịch ngày càng phức tạp nên hẹn đến tháng 9/2021, rồi tháng 11/2021 hệ chính quy nhập học thì mới đến hệ cử tuyển. Ngày 07/11/2021, chị N hỏi thì T tiếp tục nói dối và hẹn đến 25/11/2021 sẽ có giấy về Huyện đội và sau nhiều lần hứa hẹn thì lần cuối cùng, T hẹn đến 20/02/2022 sẽ nhập học. Đến cuối tháng 02/2022, do không có giấy gọi nhập học nên chị N liên lạc yêu cầu T hoàn lại số tiền 300.000.000 đồng, nhưng T không trả và cắt liên lạc với chị N. Ngày 03/4/2022, vợ chồng chị N đến nhà ông Đ thì được biết T đã bị Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Hà Nội bắt để điều tra về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 15/9/2022, chị N đã gửi đơn đến Cơ quan Công an thành phố Hà Nội tố giác T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**Vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ do chị Hoàng Thị N giao nộp: 01 tờ giấy khổ A4 Hoàng Thu T viết cho chị Hoàng Thị N, có nội dung “: “Ngày 21/3/2021 cháu Hoàng Thu T, SN

19XX, địa chỉ Tổ X, phường H V T, TP Thái Nguyên có cầm 30 triệu đồng trong tổng số 300 triệu đồng để lo việc học tập cho con trai thứ hai nhà cô N, số tiền còn lại sẽ được giao dịch bằng chuyển khoản. Nếu không lo được việc cháu T có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền”.

**Tại bản Kết luận giám định số 7813/KL-KTHS ngày 18/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:** “... Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thu T trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thu T trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

Đối với A Nguyễn Văn Tr là người giới thiệu và cung cấp số điện thoại của T cho chị N nhưng không biết mục đích T lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Hành vi trên của A Tr không đồng phạm với T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

**Trách nhiệm dân sự:** Chị Hoàng Thị N yêu cầu bị can Hoàng Thu T trả lại số tiền 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng tháng 11/2021, do có quan hệ đồng nghiệp với chị Nguyễn Thị OA (sinh năm 19XX; trú tại số nhà X, ngõ Y, tổ Z, phường P L, quận H Đ, Hà Nội; là giáo viên Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội), T gọi điện thoại qua Zalo cho OA nói: “*Hiện thầy của T có một suất của dự án vào viện Phụ sản Hà Nội, chắc chắn 100% là được, vì xuất đó là của Thầy của T, công việc sẽ làm điều dưỡng tại khoa Hiếm muộn*” nếu ai có nhu cầu vào làm việc tại Bệnh viện này thì giới thiệu hoặc nhận hồ sơ và chi phí xin việc, rồi chuyển lại cho T, phí xin việc là 150.000.000 đồng, còn chị OA báo với học sinh chênh bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu. T hứa sẽ có trách nhiệm xin việc và khoảng 15 ngày sau khi nhận hồ sơ, nhận tiền sẽ có quyết định đi làm”. Tin tưởng T nên chị OA đồng ý. Ngày 03/01/2022, chị OA đăng bài trên T Zalo cá nhân của mình là “OA Nguyễn” số điện thoại 097729XXXX với nội dung: “*Năm mới cơ hội mới, làm việc tại Bệnh viện phụ sản Hà Nội, đi làm ngay*”, ai cần thì liên hệ với chị OA. Khoảng vài ngày sau, chị Nguyễn Thị Thu H1 (sinh năm 19XX; trú tại xã P T, huyện L T, tỉnh Hòa Bình) là học sinh của chị OA liên hệ với chị OA nhờ xin cho H1 vào làm điều dưỡng viên tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

Sau khi nhận thông tin của chị H1, chị OA gọi điện thoại báo cho T

biết. T đồng ý và hướng dẫn chị OA nhận hồ sơ xin việc của chị H1 và bảo chị OA thu trước của H1 một nửa số tiền, T hẹn trước tết âm lịch năm 2022 sẽ có quyết định đi làm. Sau đó, chị OA gọi điện cho chị H1 hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ và thỏa thuận với chị H1 chi phí xin việc là 170.000.000 đồng (tăng 20.000.000 đồng) và yêu cầu H1 chuyển trước 115.000.000 đồng, chị H1 đồng ý. Sau khi chuyển hồ sơ phôi một thời gian thì chị H1 báo lại với OA thôi không nhờ OA xin việc hộ nữa. OA báo lại việc này với T. T mắng OA: *“Làm ăn như trẻ con”*. Rồi T tự gọi điện thoại cho chị H1 thuyết phục để chị H1 tiếp tục nộp hồ sơ xin việc, T hứa với chị H1 100% sẽ được đi làm nên chị H1 đồng ý và nói sẽ nộp hồ sơ và tiền qua OA. Sau khi thuyết phục được chị H1, T báo lại với chị OA, bảo chị OA nhận tiền và hồ sơ của chị H1. Ngày 16/01/2022, chị H1 chuyển khoản trước cho chị OA 35.000.000 đồng qua tài khoản 0080136883888 của OA mở tại Ngân hàng Mbbank. Ngày 18/01/2022, chị H1 đến nhà chị OA ở số 112, ngõ 15, tổ 10, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội chuyển hồ sơ xin việc và 80.000.000 đồng cho chị OA. Chị OA hẹn đến ngày 15/02/2022 nếu không xin được việc cho H1 thì sẽ trả lại toàn bộ tiền cho H1, nếu xin được việc H1 phải chuyển nốt 50.000.000 đồng còn lại cho chị OA. OA có viết 01 “GIẤY VAY TIỀN (nhận tiền)” thể hiện nội dung đã nhận đủ 115.000.000 đồng của chị H1. Buổi tối cùng ngày 18/01/2022, sau khi nhận hồ sơ và tiền của chị H1, chị OA thông báo lại với T. Sau đó, T đến nhà chị OA lấy hồ sơ xin việc và 100.000.000 đồng của chị H1 từ chị OA, chị OA giữ lại 15.000.000 đồng. T hẹn đến ngày 10/02/2022, khi có quyết định thì chị OA phải thu nốt 50.000.000 đồng của chị H1 cho T. Sau đó, đến giáp tết Nguyên đán 2022, chị H1 liên tục hỏi tình hình công việc thì chị OA đều trả lời phải đợi. Thấy không yên tâm nên chị H1 đề nghị chị OA trả lại tiền thì chị OA gọi cho T yêu cầu trả lại tiền để trả cho chị H1, T đồng ý nhưng nói để T tự liên hệ trả tiền cho chị H1.

Do đã sử dụng chi tiêu cá nhân số tiền của chị H1 nên T kéo dài thời gian để trì hoãn việc trả tiền cho chị H1 bằng cách ngày 13/02/2022 T đến gặp chị H1 tại nhà ở xã P T, huyện L T, tỉnh Hòa Bình. T giới thiệu T là người làm trực tiếp trong dự án, công việc của chị H1 là do T sắp xếp và nói chị OA đã chuyển đủ cho T 100.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc của chị

H1 cho T để T xin cho chị H1 vào làm tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. T hỏi chị H1 chi phí xin việc chỗ chị OA hết bao nhiêu tiền, chị H1 nói hết 170.000.000 đồng. T bảo chi phí xin việc chỉ hết 120.000.000 đồng, chị OA không làm gì mà được hưởng 50.000.000 đồng, rồi bảo chị H1 không xin việc chỗ chị OA nữa, để T xin việc cho, đến 18/3/2022 có quyết định đi làm. Chị H1 đồng ý nên T bảo đã nhận được 100.000.000 đồng do chị OA chuyển từ trước, coi như chị H1 đã nhận lại đủ, nay chị H1 chuyển cho T để T trực tiếp xin việc cho chị H1, sau khi được đi làm thì chị H1 chuyển nốt 20.000.000 đồng cho T, chị H1 đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại cho chị OA nói dối: *“Bây giờ hồ sơ của H1 không đủ điều kiện để tuyển dụng nên bệnh viện sẽ gửi lại số tiền 100.000.000 đồng trả H1 và hẹn H1 ra gặp A Hùng phòng tổ chức Bệnh viện Phụ sản Hà Nội để lấy tiền”*. Chị OA yêu cầu T trả lại tiền để trả cho chị H1 vì chị OA nhận tiền trực tiếp của H1. T nói dối là tiền đã nộp cho phòng hành chính nên phòng hành chính sẽ trả trực tiếp cho người có tên trong hồ sơ xin việc, không trả qua T, nên T không trả cho chị OA được. T bật loa ngoài cho cả chị H1 cùng nghe nội dung này. Sau khi nhận được điện thoại của T thì chị OA tưởng thật nên điện xin lỗi chị H1, đồng thời bảo chị H1 ra viện nhận lại tiền, khi nào nhận được đủ tiền thì viết vào *“GIẤY VAY TIỀN (nhận tiền)”* mà chị OA viết cho H1 ngày 18/01/2022 là đã nhận đủ số tiền, chị OA sẽ chuyển trả chị H1 15.000.000 đồng chị OA đang còn giữ. Vì đã được T thống nhất trước đó nên khi chị OA nói như vậy chị H1 đồng ý.

Ngày 16/02/2022, T gọi điện thoại hướng dẫn chị H1 nhắn tin với nội dung chị H1 và chồng đã ra đến Bệnh viện nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng do A Hùng (Phó Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Hà Nội) trả lại để gửi cho chị OA. Sau khi nhận được tin nhắn của chị H1, chị OA đã chuyển trả chị H1 nốt số tiền 15.000.000 đồng và chị H1 đã viết vào Giấy vay tiền với nội dung *“đã nhận lại từ cô OA đủ số tiền 115 triệu”*. Ngoài ra, trong quá trình hứa xin việc cho chị H1, T còn bảo chị H1 chuyển cho T 8.000.000 đồng để T mua quà cảm ơn các sếp. Theo hẹn của T thì ngày 18/3/2022 chị H1 sẽ có Quyết định đi làm. Đến ngày 14/3/2022, chị H1 gọi điện thoại cho T hỏi thì T nói dối đã chuyển hồ sơ và tiền của chị H1 cho một người tên Nguyễn Hồng Nh (sinh năm 19XX; trú tại PX tòa nhà P 5, T ở số X, đường

M K, quận H B T, Hà Nội) đề nhờ chị Nh xin việc cho chị H1. Ngày 15/3/2022, chị H1 mất liên lạc với T nên tìm đến nhà chị Nguyễn Hồng Nh thì không có ai là Nh ở địa chỉ này. Sau đó, chị H1 được biết T bị Công an quận Cầu Giấy bắt nên đã gửi đơn đến Công an quận Hà Đông tố giác T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**Vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ 01 “GIẤY VAY TIỀN (nhận tiền)” thể hiện nội dung chị OA đã nhận đủ số tiền 115.000.000 đồng của chị H1. (Do chị OA giao nộp).

**Tại bản Kết luận giám định số 7940/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:**

“...1. Chữ viết phân nội dung; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị OA dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A), với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị OA trên các mẫu so sA (ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết, ký ra.

2. Chữ viết có nội dung: “Hôm nay ngày 16/02/2022 em Nguyễn Thị Thu H1... người nhận: Nguyễn Thị H1”; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Thu H1 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu H1 trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M4 đến M5) là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

Đối với hành vi của chị Nguyễn Thị OA có nhận tiền đề xin việc cho chị H1 nhưng do chị OA tin tưởng T có thể xin được, chị OA không biết và không bàn bạc với T để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi T dùng thủ đoạn gian dối nói Bệnh viện sẽ trả lại tiền cho chị H1 để tách chị OA ra không cho chị OA tham gia, để T trực tiếp làm việc với chị H1 thì chị OA tin tưởng và trả lại nốt số tiền còn lại cho chị H1. Xét hành vi của chị OA không đồng phạm với Hoàng Thu T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

**Trách nhiệm dân sự:** Chị H1 yêu cầu bị can Hoàng Thu T trả lại số tiền 108.000.000 triệu đồng.

**2. Hoàng Thu T cùng Lưu Vân A, Nguyễn Thiện H lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô trị giá 617.800.000 đồng của A Nguyễn Duy T1. Lưu Vân A cùng Nguyễn Thiện H và Phạm Việt C cho Hoàng Thu T vay lãi nặng:**

Từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021, thông qua quan hệ xã hội nên

Hoàng Thu T quen biết và vay của Lưu Văn A (sinh năm 19XX; trú tại số nhà X, ngõ Y, phố H B, tổ Z, phường Y H, quận C G, Hà Nội) tổng số tiền là 1.400.000.000, trả lãi hàng tháng. Ngoài ra, Văn A còn đưa T 1.000.000.000 đồng để cùng đầu tư chơi tiền ảo trên mạng xã hội. Đến đầu tháng 11/2021, do T chậm trả lãi nên Văn A yêu cầu T viết Giấy vay số tiền 1.400.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng là 309.000.000 đồng, thời hạn tính lãi và trả lãi từ ngày 04/11/2021. Còn số tiền 1.000.000.000 đầu tư chơi tiền ảo thì khoảng giữa tháng 12/2021 do T đã trả tiền lợi nhuận cho Văn A vượt quá số tiền 1.000.000.000 đồng đầu tư ban đầu nên Văn A thống nhất với T coi như trả nợ xong.

Tháng 12/2021, T chậm trả tiền lãi nên ngày 05/01/2022, Văn A gọi điện thoại cho T để đòi tiền thì T xin hoãn đến sau ngày 05/01/2022 sẽ trả đủ 309.000.000 đồng. T nói với Văn A: “... sau mùng 5 sẽ chồng đủ 309 triệu...Em không muốn thị phi hay mang tiếng gì để bố mẹ yên tâm lo cái 1,4 tỷ kia”. Văn A bảo T: “... từ mùng 4 tháng trước đến mùng 1 hết gần 1 tháng rồi, bây giờ bắt đầu mùng 4 rồi”, thì T xác định mùng 4 đã chi trả hết tháng đấy rồi, bây giờ chỉ tH2 309.000.000 này là đang chậm mất mười mấy 20 ngày. Văn A xác nhận đúng và nói: “...1,4 tỷ có phải ít đâu”. T trả lời: “Em đang muốn gỡ từng nút một, thứ nhất là nút lãi này, thứ hai là 20 này gỡ nút gốc kia”. Do T chưa có tiền trả cho Văn A nên tối 05/01/2022, Văn A đưa Nguyễn Công H (sinh năm 19XX; trú tại số nhà X, ngõ Y, tổ Z, phường Y H, quận C G, Hà Nội) đến nhà T (ở phường H V T, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên) gặp T nói số tiền 1.400.000.000 đồng do T đang nợ Văn A là tiền của H, Văn A chỉ là người đứng ra vay tiền của H giúp T và từ ngày 05/01/2022, H sẽ thay Văn A đòi T tiền nợ gốc và lãi của số tiền này. Ngày 09/01/2022, Văn A tiếp tục gọi điện thoại đòi tiền T, bảo T chuyển tiền cho H trước 02h00, xong đến 20/01/2022 trả 1.400.000.000 đồng cho H thì ba ngày sau H cho vay lại, nếu lấy thì Văn A bảo H rút tiền lãi cho, Văn A nói với T: “H bảo đợt này T mà lấy thì H rút cho xuống 4 hoặc 5 nghìn, nếu con T trả chuẩn, đúng ngày và ngày 20/1 trả 1,4 tỷ gốc là chúng nó giải ngân chỉ trong 10 ngày”.

Ngày 10/01/2022, do bị H và Văn A thúc giục đòi tiền liên tục nên T trả cho Văn A 309.000.000 đồng tiền lãi của tháng 12/2021 (từ 04/12/2021

đến 04/01/2022) qua tài khoản số 19036900642011 của Vân A. Sau khi Vân A nhận 309.000.000 đồng của T thì H gọi điện cho T xác nhận với T: “*A đã nhận được cái 309 của em rồi nhé, đến ngày 20 thì thu xếp nốt cái kia cho A*”.

Ngày 20/01/2022, do không có tiền để trả H và Vân A như đã hẹn, T gặp H và Vân A tại quán cafe trên đường Cầu Giấy để xin khất nợ nhưng H và Vân A không đồng ý. Tại đây, H và Vân A bàn với T: “*Bây giờ chỉ còn có phương án này, Hà Nội đang có dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái trong dịp Tết, mày thuê lấy một cái xong mang đi cầm cố lấy 500 triệu về trả cho A 200 triệu lãi và 300 triệu tiền gốc trước*” việc liên hệ chỗ thuê xe và cầm xe H sẽ lo. Vân A nói: “*Giờ chỉ còn phương án đấy thôi, nếu không có tiền trả H thì tao cũng chết*”. T đồng ý theo phương án của H và Vân A đưa ra. Sau đó, H liên hệ với A Nguyễn Duy T1 (sinh năm 19XX; trú tại tổ X, phường N Đ, quận C G, Hà Nội) là người cho thuê xe ô tô tự lái nhờ T1 cho T thuê xe ô tô mục đích để đi lại trong dịp Tết 2022. Liên hệ với T1 xong, H cung cấp cho T số điện thoại 0984.549.XXX của T1 và bảo T gọi giới thiệu là người quen của H. Sau khi liên lạc với T1 hỏi thuê xe, T được T1 hướng dẫn chuẩn bị sổ hộ khẩu gốc, chứng minh nhân dân gốc, đặt cọc 30.000.000 đồng và tiền thuê xe 36.000.000 đồng/tháng.

Sáng 21/01/2022, H dùng số điện thoại 0934.569.XXX gọi cho Phạm Việt C (sinh năm 19XX; chủ cửa hàng Việt C Auto ở số 26, phố Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) và cùng Hạ Huy H2 (sinh năm 19XX; trú tại xóm B, xã T Đ, huyện C M, Hà Nội) đi xe máy đến cửa hàng của C đặt vấn đề với C: “*Bây giờ đang có một đũa nợ A tiền, A bảo nó mang xe ô tô đến đây cầm cố nhưng theo hình thức vừa viết Giấy bán xe, vừa viết Giấy cầm xe, xong cho nó vay 500 triệu đồng, tính lãi 3.000đ/01 triệu/01 ngày và cắt lãi luôn, tiền lãi chuyển lại cho A. Số tiền 500 triệu A sẽ đưa trước cho em với danh nghĩa là tiền của em đưa cho nó vay, còn cái xe khi làm xong thủ tục cầm cố thì A quay lại mang xe đi và lấy tiền lãi cùng giấy tờ cầm cố. Xe đó không phải chính chủ nhưng mục đích A phải làm thế là để ép con này trả tiền cho A hoặc gia đình nó phải lo trả tiền cho nó, mọi việc em cứ yên tâm A đã lo hết rồi, không vấn đến gì đâu, có gì A thông báo sau*”, C đồng ý. Sau khi nhờ được T1 và C thì ngày

21/01/2022, Vân A và H cùng gọi điện thoại giục T mang sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và bằng lái xe ô tô xuống Hà Nội để thuê xe. T hỏi Vân A không biết có cho thuê 02 xe ô tô không, nếu cho thuê 02 xe thì T thuê 02 xe cấm luôn để lấy tiền trả H. Vân A bảo T gọi điện thoại cho bên cho thuê xe hỏi xem có được không, nếu được thì thuê hai cái cấm luôn. T cũng hỏi H về việc thuê 02 xe ô tô để cấm luôn ở đây lấy tiền trả cho H được không, thì H nói chỉ được 01 cái. H tiếp tục giục T gọi cho T1 để xuống giải quyết công việc lấy tiền trả cho H. Sau đó, T gọi cho T1, thì T1 yêu cầu phải trả toàn cả tiền thuê xe và cọc xe tổng 66.000.000 đồng. T trao đổi lại với H và nhờ H can thiệp với T1 tạo điều kiện cho T. Vì thời điểm đó giáp tết Nguyên đán 2022 nên mặc dù chưa đến hạn trả lãi khoản vay nhưng H vẫn giục T trả trước cho H 200.000.000 đồng tiền lãi của khoản 1.400.000.000 đồng, T khất H trả nợ vào ngày 24/01/2022. Đến hẹn nhưng T chưa có 200.000.000 đồng trả lãi cho H nên H gọi điện thoại yêu cầu T chuyển trả 200.000.000 đồng tiền lãi và 500.000.000 đồng tiền gốc, T khất nợ đến ngày 26/01/2022. Ngày 25/01/2022 Vân A tiếp tục gọi điện thoại giục T mang sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và bằng lái xe ô tô xuống Hà Nội, gặp nhau ở quán cafe AHA. T nhờ Vân A nói với H sau khi cầm cổ xe được 500.000.000 đồng thì cho T trả lãi H 200.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng cho T cầm về để làm vốn thì Vân A nói cứ mang thủ tục xuống, làm theo phương án đó và lo xong việc đi đã.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, T từ thành phố Thái Nguyên xuống gặp H và Vân A tại quán Cafe AHA ở đối diện số nhà 180, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tại đây, T vẫn xin H và Vân A cho khất nợ nhưng không được, nên T quyết định đi thuê xe để đem cầm cố vay 500.000.000 đồng trả cho H. Sau đó, T liên hệ với Nguyễn Duy T1 hỏi thuê xe, nói dối quê ở tỉnh Thái Nguyên nhưng đang thuê nhà ở Times City cùng chị gái và đang học Cao học Dược, không có hợp đồng thuê nhà. Vì không phải là người ở Hà Nội nên T1 yêu cầu đặt cọc 200.000.000 đồng, T trao đổi lại với H thì H bảo T gọi điện thoại cho T1 giới thiệu là người quen của “T1 Lầu”, tức Đặng Thế T1 (sinh năm 19XX; trú tại phòng X, nhà A, tập thể Học viện Quốc Phòng ở phường N Đ, quận C G, Hà Nội; là người quen của H và Nguyễn Duy T1). Tưởng T quen

biết “T1 Lầu” nên Nguyễn Duy T1 đồng ý cho T đặt cọc 30.000.000 đồng thay vì 200.000.000 đồng và hẹn gặp T tại quán cafe KAFA ở số 118, đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. T đồng ý và cùng Vân A đi taxi đến gặp T1 làm thủ tục thuê xe ô tô. Sau khi T và Vân A đi gặp T1 để thuê xe thì H gọi điện thoại cho Phạm Việt C và cùng Hạ Huy H2 đến gặp C tại cửa hàng ở số nhà 26, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1. Tại tầng 2 cửa hàng, H trao đổi lại nội dung việc đã nhờ C như ngày 21/01/2022, H dặn C chỉ đưa cho T số tiền 470.000.000 đồng, cắt lãi luôn 30.000.000 đồng cho khoản vay trong 20 ngày. Sau đó, H đưa 500.000.000 đồng cho C và nói: *“Việc như thế tỷ nữa giúp A, yên tâm sẽ không có vấn đề gì, từ giờ đến chiều nó sẽ đến cầm xe”*.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, T và Vân A gặp T1 tại quán cafe KAFA. Tại đây, T trao đổi và ký hợp đồng thuê xe ô tô Mazda 3, biển kiểm soát 30G-635.XX của T1 thời hạn 01 tháng kể từ ngày 26/01/2022 đến 26/2/2022 với giá 36.000.000 đồng và đặt cọc 30.000.000 đồng. Quá Tr T và Vân A gặp T1 để ký hợp đồng thuê xe thì Hạ Huy H2 sử dụng số điện thoại 0862.123.XXX gọi hỏi T xong chưa để H2 dẫn đi cầm xe, T hỏi H2 là ai thì H2 xác nhận là người của H và là người dẫn T đi cầm xe ô tô. T hẹn H2 lúc nào xong thì gọi. Sau khi nhận bàn giao xe và giấy tờ xe, T gọi H2 đến quán cafe KAFA để lái xe chở T và Vân A đi cầm cố. Trên đường đi, T gọi điện thoại thương lượng với H để xin H cho cầm 300.000.000 đồng trong số tiền cầm cố xe về để lấy vốn làm ăn, nhưng H không đồng ý, rồi giục T cầm xe nhA lên để H còn mang tiền về trả Công ty. Đến 17 giờ cùng ngày, T và Vân A được H2 đưa đến gara ô tô Việt C Auto ở số 26, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Đến nơi, Vân A bảo T trả cho H2 3.000.000 đồng tiền công, đồng thời bảo H2 nhấn số tài khoản 19032664562014 cho T, nhưng do T hết tiền nên Vân A cho T mượn số tiền này để trả cho H2. Sau khi đỗ xe tại trước cửa hàng Việt C Auto xong thì H2 đi về, còn T và Vân A đi vào trong cửa hàng gặp C. Do H đã dặn trước nên T vào gặp C cầm cố chiếc xe ô tô để vay 500.000.000 đồng. C bảo T cho kiểm tra giấy tờ xe thì T đưa cho C 01 Giấy biên nhận thế chấp ngân hàng Seabank chi nhánh Cầu Giấy bản phô tô, 01 bản phô tô Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Duy T1, 01 bản gốc bảo hiểm dân sự và 01

bản gốc đăng kiểm xe ô tô, đồng thời C kiểm tra xe. Sau khi xem xe và giấy tờ C nói vì T là người quen của H nên đồng ý cầm cố chiếc xe này với giá 500.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 26/01/2022, nhưng dưới hình thức bán xe. C yêu cầu T phải viết 01 Giấy cầm cố và 01 Giấy bán xe, T đồng ý. Sau đó, C và T làm thủ tục cầm cố xe. Ngoài các giấy tờ nêu trên, T đưa cho C thêm 01 bản gốc giấy phép lái xe hạng B2 cùng 01 chứng minh nhân dân của Hoàng Thu T và sổ hộ khẩu (bản phô tô). C đọc cho T viết 01 Giấy cầm cố xe có nội dung T cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Mazda 3 màu trắng, biển kiểm soát 30G-635.XX mang tên Nguyễn Duy T1 để vay 500.000.000 đồng trong thời hạn vay 20 ngày phải hoàn trả lại C số tiền và lấy lại xe; 01 Giấy bán xe với giá 550.000.000 đồng, nội dung T đứng ra bán giúp Nguyễn Duy T1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng, biển kiểm soát 30G-635.XX, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 26/1/2022 chỉ T phải bàn giao đầy đủ giấy tờ gốc. Làm xong thủ tục cầm cố xe, C cầm túi tiền do H đưa trước đó ra đưa T và cắt lãi luôn 30.000.000 đồng cho khoản vay này trong thời hạn 20 ngày, chỉ đưa cho T 470.000.000 đồng. Sau đó, T và Vân A lên xe taxi thì đã thấy H ở trên xe. H nói cho T vay thêm 30.000.000 đồng để đủ 500.000.000 đồng trả cho H (trong đó có 200.000.000 tiền lãi tháng 01/2022 (từ 05/01/2022 đến 26/01/2022) và 300.000.000 trả giảm gốc khoản vay 1,4 tỷ đồng).

Sau khi T về, C cắt 30.000.000 đồng và giấy tờ cầm cố xe vào 01 túi Clear để trên bàn nước rồi gọi điện thoại bảo H đến lấy. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H đến cửa hàng của C nhận tiền và toàn bộ giấy tờ cầm cố xe, đồng thời lái chiếc xe ô tô do T vừa cầm cố đi. Sau đó, H gọi điện thoại cho T bảo 15 giờ hôm sau T gọi điện cho H hỏi vay lại 500.000.000 đồng để H bật loa ngoài cho A em ở cửa hàng của H cùng nghe để H nói với A em ở cửa hàng cho T vay lại 500.000.000 đồng. Ngày 27/01/2022, H chốt với T qua điện thoại là T đã trả H 200.000.000 đồng tiền lãi và 500.000.000 tiền gốc của T, trên sổ sách giấy tờ thì T còn nợ H 900.000.000 đồng. T nhờ H tạo điều kiện cho T vay lại 500.000.000 đồng để làm còn trả nợ lấy xe ra, nhưng H thông báo chỉ cho T mượn được 300.000.000 đồng, lãi xuất 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi không vay được H đủ 500.000.000 đồng, T gọi điện thoại cho Vân A nói bây giờ T rất sợ chỗ cái xe, không có tiền làm

thì không có tiền trả để lấy xe ra, kế hoạch ngày 26/01/2022 Vân A cũng biết rõ là lấy được về 500.000.000 đồng thì T mới đồng ý để đi cầm xe như thế. T sẽ nói chuyện với bố mẹ rồi đi tự thú cái xe ô tô. Vân A bảo T dàn xếp lại với H xem như nào. Đến 17 giờ 30 cùng ngày, H gọi điện thoại giục T bảo Vân A lên cửa hàng của H lấy 300.000.000 đồng về và chốt với T là đến ngày 27/01/2022, T nợ H 1.200.000,000 đồng, H tính lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày thành 72.000.000 đồng/tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày 27/01/2022. Ngày 27/02/2022 T đã trả cho H 62.000.000 đồng tiền lãi (từ 27/01/2022 đến 27/02/2022) qua tài khoản số 8136599999999 của Nguyễn Công H mở tại Techcombank, sau đó Nguyễn Công H đã chuyển trả Lưu Vân A qua Nguyễn Minh H (là chồng của Vân A).

Do sắp đến hạn phải trả xe nên ngày 11/02/2022, Vân A gọi điện thoại giục T xuống Hà Nội đi làm để lấy tiền trả tiền xe. Đồng thời ngày 13/02/2022, C gọi điện thoại cho T thúc giục T trả tiền hoặc làm thủ tục bán xe, T xin gia hạn khoản vay thêm 10 ngày (từ 15/02/2022 đến 24/02/2022), C đồng ý và yêu cầu T phải trả tiền lãi của 10 ngày gia hạn với số tiền 15.000.000 đồng. Theo yêu cầu của C nên ngày 16/2/2022, T trả 15.000.000 đồng tiền lãi qua tài khoản của C số 206818888 mở tại Ngân hàng VIB (một mã 7.000.000 đồng và một mã 8.000.000 đồng). Nhận tiền lãi của T xong C gọi điện thông báo và chuyển khoản từ tài khoản số 03501015558898 của C đến tài khoản số 8136599999999 của H mở tại Mbbank đúng số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi T vừa chuyển cho C. Khi chuẩn bị hết 10 ngày gia hạn thì ngày 24/02/2022, C tiếp tục gọi điện thoại cho T giục trả tiền hoặc mang giấy tờ xuống làm thủ tục bán xe. T xin gia hạn khoản vay 01 tháng (từ 25/02/2022 đến 26/3/2022), C đồng ý và yêu cầu T phải chuyển tiền lãi 01 tháng đó cho C. Do chưa có tiền để chuộc xe về trả cho T1 nên ngày 26/02/2022, T gọi điện thoại xin T1 cho gia hạn thuê xe thêm 01 tháng đến 26/3/2022, T1 đồng ý nhưng vì T bị Covid nên chưa xuống Hà Nội làm Hợp đồng gia hạn thuê xe với T1 được.

Ngày 28/02/2022, C tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu T chuyển trả tiền lãi của 01 tháng gia hạn khoản vay 500.000.000 đồng cho C, nhưng T xin C cho trả lãi 15 ngày trước (từ 25/02/2022 đến 11/3/2022) thì C đồng ý. Tối ngày 28/02/2022, T chuyển khoản cho C số tiền 22.500.000 đồng vào tài

khoản 206818888 Ngân hàng VIB của C. Nhận tiền lãi xong, cùng ngày 28/2/2022, C gọi cho H thông báo việc T trả lãi 15 ngày trước đồng thời chuyển khoản trả H 22.500.000 đồng này đến số tài khoản 813659999999 của H mở tại MBbank. Tổng số tiền lãi do T trả cho C trong 45 ngày của khoản vay 500.000.000 đồng là 67.500.000 đồng (Trong đó 30.000.000 đồng tiền mặt và 37.500.000 đồng tiền chuyển khoản). C đã chuyển hết số tiền lãi này cho H.

Khoảng đầu tháng 03/02/2022, Nguyễn Duy T1 phát hiện các thiết bị định vị lắp trên chiếc xe ô tô Mazda 3, biển kiểm soát 30G-635XX bị tắt nên gọi điện thoại cho T yêu cầu trả tiền thuê xe của tháng tiếp theo và mang xe đến để T1 kiểm tra và bảo dưỡng nhưng T không mang về. Ngày 03/3 và 04/3/2022, T đã chuyển khoản 5.500.000 đồng tiền thuê xe tháng tiếp theo trả cho T1, nhưng T1 vẫn yêu cầu T mang xe về trả và nhờ H gọi điện thoại giục T nhiều lần. Ngày 05/3/2022, H gọi điện thoại cho T và nói: *“Xe cô của mày kiểu đéo gì, Đ.mẹ mày không ấy, nó đâm đơn chết cụ mày”*, *“Nó đang gọi cho tao đấy Đ.mẹ mày, nó đang hỏi đấy; tao bảo để A bảo nó thôi, đơn từ gì, toàn là chỗ A em”*, *“Mày không xuống giải quyết nó đâm đơn chết tổ mày, bố báo trước cho mày biết”*. T gọi cho T1 xin khất nợ nhưng T1 không đồng ý thì T nhờ H gọi cho T1 để giàn xếp giúp T khất nợ sang ngày 06/3/2022. Ngày 06/3/2022, T gọi cho Vân A hỏi vay 2.000.000 đồng để trả cho T1 nhưng không được. Vân A bảo T phải đi làm để lấy tiền trả xe đi. Sau đó, cùng ngày 06/3/2022 T chuyển khoản trả tiếp cho T1 3.000.000 đồng. Ngày 10/3/2022, Vân A gọi cho T hẹn gặp T để nói chuyện thì T hẹn chiều T đi gặp T1 để ký lại hợp đồng thuê xe sẽ gặp Vân A. Vân A hỏi T hẹn gặp ở đâu, mấy giờ, T nói: *“Em hẹn nó 4h chiều chỗ hôm nọ gặp nhau ý, chỗ ký xe ấy”*, vì trước đó Vân A đã đi cùng T gặp T1 thuê xe và gặp C để cầm xe nên Vân A hỏi T: *“Chỗ Phạm Hùng á”* thì T nói: *“Không chỗ làm hợp đồng xe, chỗ kafa mình ngồi ý”*, Vân A nói: *“Chỗ Nguyễn Khánh Toàn đấy chứ gì”*. Ngày 14/3/2022, T chuyển khoản tiếp 10.000.000 đồng trả tiền thuê xe cho T1, nhưng T1 vẫn yêu cầu T trả xe. Khoảng 11 giờ cùng ngày T1 hẹn gặp được T tại quán cafe KAFA số 118 Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tại đây T đã thú nhận việc T mang chiếc xe ô tô thuê của T1 đi cầm cố và chưa lấy được về để trả T1,

nên T1 đã Tr báo Công an.

Sau khi T bị Công an quận Cầu Giấy tạm giữ thì trưa ngày 15/3/2022, Nguyễn Công H đi cùng một nam thanh niên (không xác định được nhân thân) đến cửa hàng của Phạm Việt C, H nói với C: “*Con T bị Công an Cầu Giấy bắt rồi*” và dặn C nếu có lên Công an làm việc thì chỉ khai là mua bán xe, không khai việc nhận cầm cố xe của T để cho vay lãi, bảo C cứ lên Công an làm việc, H sẽ cho A em mang xe ô tô và giấy tờ lên. Khoảng 14 giờ cùng ngày, C lên Công an quận Cầu Giấy làm việc và nhận diện chiếc xe Mazda 3, biển kiểm soát 30G-63.5XX do người của H đưa đến và ký biên bản kiểm tra xe ô tô, biên bản tạm giữ xe ô tô, biên bản tạm giữ tài sản đồ vật với tư cách C là người giao nộp chiếc ô tô và toàn bộ giấy tờ ở trong xe liên quan đến việc C nhận mua bán xe này của T trước đây nhưng không có “Giấy cầm cố xe ô tô”. Sau khi ký các biên bản này, C chỉ khai nhận nội dung mua bán xe ô tô với T theo đúng lời H dặn trước khi lên làm việc, không khai việc H đã nhờ C nhận cầm cố chiếc xe trên để cho T vay 500.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

**Vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ các đồ vật, tài sản sau:

- Thu giữ do Phạm Việt C giao nộp: 01 chiếc xe ô tô Madaz 3, màu trắng, biển kiểm soát 30G 635.XX, số khung RN2B14AA6LM032960, số máy P520668790 cùng 01 Giấy bán xe ô tô nêu trên (bản gốc); 01 Giấy biên nhận thể chấp số REF2131600345 Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Chi nhánh Cầu Giấy, Phòng giao dịch Lạc Long Quân ngày 15/11/2021 (bản phô tô); 01 Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Hoàng Thu T (bản gốc); 03 Hợp đồng mua bán xe (khống); 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KD: 4668837 ngày 24/10/2020 của xe ô tô Madaz 3 màu trắng, Biển kiểm soát 30G: 635.XX (bản gốc); 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số DK20/0161196 ngày 20/10/2020 của chiếc xe ô tô Madaz 3, BKS 30G: 635.XX (bản gốc); 01 chứng minh nhân dân số 092006913 mang tên Hoàng Thu T (bản gốc); 01 sổ hộ khẩu số 560254842 mang tên chủ hộ Đinh Quang H (bản gốc); 01 Hợp đồng cho thuê xe tự lái số 26012022 ngày 26/1/2022 (bản gốc) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A71, màu xanh.

- Thu giữ do Lưu Văn A giao nộp: File ghi âm cuộc gọi giữa Hoàng Thu T với Phạm Việt C, Nguyễn Công H và Lưu Văn A.

- Về Giấy cầm cố xe ô tô do T viết cùng Giấy bán xe ô tô ngày 26/01/2022 cho C, C khai đã giao lại cho H, H phủ nhận việc này. Do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

**Tại bản Kết luận định giá tài sản số 79/ĐGTS ngày 15/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cầu Giấy, kết luận:** “... Giá trị chiếc xe ô tô Mazda 3, màu trắng, biển kiểm soát 30G-635.XX nêu trên trị giá 617.800.000 đồng”.

**Tại bản Kết luận giám định số 794/KL-KTHS ngày 14/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đối với “Giấy bán xe ô tô” đề ngày 26/01/2022, kết luận:** “...Chữ viết phần nội dung; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Hoàng Thu T dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thu T trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

**Tại bản Kết luận giám định số 7366/KL-KTHS ngày 28/12/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với các file ghi âm cuộc gọi giữa Hoàng Thu T với Phạm Việt C, Nguyễn Công H và Lưu Văn A, kết luận:**

“...- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các File ghi âm mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người đàn ông trong các file (ký hiệu từ A1 đến A6) mẫu cần giám định (ký hiệu “C” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Phạm Việt C mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người đàn ông trong các file (ký hiệu từ A7 đến A23) mẫu cần giám định (ký hiệu “H” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Công H mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ trong các file (ký hiệu từ A24 đến A43) mẫu cần giám định (ký hiệu “Vân A” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Lưu Văn A mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ trong các file (ký hiệu từ A1 đến A43) mẫu cần giám định (ký hiệu “T” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Hoàng Thu T mẫu so sánh là của cùng một người.

- Không tiến hành giám định tiếng nói của Lưu Văn A và Hoàng Thu T trong file mẫu cần giám định (ký hiệu A33) do có thời lượng ngắn.

- Đã chuyển nội dung hội thoại trong các file mẫu cần giám định thành văn bản có nội dung: Do T vay tiền của Văn A chậm trả lãi nên Văn A dẫn H đến bàn giao việc đòi nợ cho H vì tiền cho T vay là tiền của H, sau khi H đòi nợ thì Văn A chuyển trả số tiền lãi 309.000.000 qua tài khoản của Văn A, H xác nhận việc này. Sau đó H, Văn A ép T trả nợ, bàn bạc cầm cố xe ô tô lấy tiền trả cho H. T đi cùng Văn A đến thuê xe của T1 rồi mang đến cửa hàng cầm cố cho C theo sự chỉ đạo của H, sau đó trả tiền cho H một phần gốc, lãi rồi tiếp tục vay thêm, chốt nợ gốc là 1.200.000.000 đồng. T tiếp tục gia hạn hợp đồng cầm cố xe với C, gia hạn hợp đồng thuê xe với A T1 như nội dung nêu trên”.

Ngày 09/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Duy T1: 01 chiếc xe ô tô Madaz 3 màu trắng, biển kiểm soát 30G 635.XX, số khung RN2B14AA6LM032960, số máy P520668790 cùng 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KD 4668837 và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số DK20/0161196 ngày 20/10/2020 của chiếc xe ô tô Madaz 3, biển kiểm soát 30G: 635.XX.

**\* Trách nhiệm dân sự:** A Nguyễn Duy T1 đã nhận được xe ô tô nên không yêu cầu Hoàng Thu T bồi thường dân sự.

**\* Kết quả điều tra xác định số tiền cho vay lãi nặng của bị can Nguyễn Thế H như sau:**

- Đối với số tiền gốc của khoản vay 1.400.000.000 đồng, H cho vay với các khoản lãi sau: Lãi 309.000.000 đồng /01 tháng (265%/năm), hưởng lợi bất chính 285.000.000 đồng. Lãi 200.000.000 đồng/22 ngày (237%/năm), hưởng lợi bất chính 183.124.000 đồng.

- Đối với số tiền gốc của khoản vay 500.000.000 đồng, lãi 67.500.000 đồng/45 ngày (109,5%/năm), hưởng lợi bất chính 55.171.000 đồng.

Tổng số tiền H hưởng lợi bất chính là 523.295.000 đồng.

**\* Kết quả điều tra xác định số tiền cho vay lãi nặng của bị can**

**Lưu Văn A như sau:**

- Đối với số tiền gốc của khoản vay 1.400.000.000 đồng, Văn A đồng phạm cùng H cho vay với các khoản lãi sau: Lãi 309.000.000 đồng/01 tháng (265%/năm), hưởng lợi bất chính 285.000.000 đồng. Lãi 200.000.000 đồng/22 ngày (237%/năm), hưởng lợi bất chính 183.124.000 đồng.

Tổng số tiền Văn A đồng phạm với H hưởng lợi bất chính là 468.124.000 đồng.

**\* Kết quả điều tra xác định số tiền cho vay lãi nặng của bị can**

**Phạm Việt C như sau:**

- Đối với số tiền gốc của khoản vay 500.000.000 đồng, lãi 67.500.000 đồng/45 ngày (109,5%/năm), hưởng lợi bất chính 55.171.000 đồng.

Tổng số tiền C giúp sức cho H hưởng lợi bất chính là 55.171.000 đồng.

Đối với đối tượng Hạ Huy H2 (sinh năm 19XX; trú tại xóm B, xã T Đ, huyện C M, Hà Nội) là người đã giúp Nguyễn Thế H dẫn Hoàng Thu T và Lưu Văn A đi cầm cố xe ô tô tại cửa hàng của Phạm Việt C. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng H2 không có mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được mức độ tham gia trong vụ án. Do đó, Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến đối tượng H2 để xác minh tiếp, nếu đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với Nguyễn Minh H (sinh năm 19XX; trú tại số nhà A, ngõ X, phố H B, phường Y H, quận C G, Hà Nội; là chồng của Văn A), kết quả điều tra xác định H không biết, không tham gia vào việc Văn A cho T vay lãi và đi thuê xe của Nguyễn Duy T1 mang đi cầm cố vay tiền. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Minh H.

Đối với Đặng Thế T1 (sinh năm 19XX; trú tại phòng X, nhà A, tập thể Học viện Quốc Phòng ở đường Y, phường N Đ, quận C G, Hà Nội) là người mà Nguyễn Thế H dặn T nói với anh Nguyễn Duy T1, T là bạn của Đặng Thế T1 để được tạo điều kiện khi thuê xe. Kết quả điều tra xác định Đặng Thế T1 không biết việc T thuê xe của Nguyễn Duy T1 mang đi cầm cố, nên không đồng phạm với các bị can về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đặng Thế T1.

Bản cáo trạng số 107/CT-VKS-P2 ngày 31/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Công H và Lưu Vân A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Hoàng Thu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phạm Việt C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo Lưu Vân A có biểu hiện tâm thần nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 03/2023/QĐ-TA ngày 19/9/2023 Trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương thực hiện giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Lưu Vân A.

**Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 30/KLGD ngày 02/02/2024 đã kết luận:**

*“Trước, trong khi phạm tội bị cáo Lưu Vân A không có bệnh tâm thần. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

*Tại thời điểm giám định bị cáo Lưu Vân A bị bệnh Giai đoạn trầm cảm nặng không có triệu chứng loạn thần giai đoạn bệnh cấp tính. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F32.2. Bị cáo mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”.*

**Tại Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số: 03/2024/QĐ-TA ngày 26/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã Quyết định:** *“Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo Lưu Vân A, sinh ngày 11/01/19XX; nơi cư trú: Số nhà X, ngõ Y, phố H B, tổ Z, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1.”.*

**Tại Quyết định tạm đình chỉ vụ án số: 01/2024/QĐ-TA ngày 26/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã Quyết định:** *“Tạm đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2023/TLST-HS ngày 05/4/2023 đối với bị cáo Lưu Vân A...”.*

Do vậy đối với bị cáo Lưu Văn A Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không xét xử trong lần này mà tách ra để xét xử sau.

**Tại phiên tòa:**

Bị cáo Hoàng Thu T, Phạm Việt C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng đã quy kết, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị cáo Nguyễn Công H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo kêu oan.

Bị hại chị Hoàng Thị N thừa nhận gia đình bị cáo Hoàng Thu T đã trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng, nay chị yêu cầu bị cáo Hoàng Thu T phải bồi thường tiếp số tiền 270.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Thu T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Công H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”; bị cáo Hoàng Thu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và bị cáo Phạm Việt C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Công H từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 13 năm 6 tháng đến 15 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Thu T từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Việt C từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam

giữ.

- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thu T phải trả cho chị Hoàng Thị N 270.000.000 đồng và trả cho chị Nguyễn Thị Thu H1 108.000.000 đồng.

- Vật chứng: Sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Phạm Việt C.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H cho rằng bị cáo không thừa nhận hành vi của mình; số tiền 309 triệu đồng không phải là trả tiền lãi suất mà là tiền T trả tiền đầu tư chơi tiền ảo; số tiền này T trả toàn bộ cho Vân A không phải trả cho H. Về hành vi lừa đảo: Đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung là rõ xe ô tô ai là người quản lý sử dụng; anh T1 vẫn là người đang quản lý sử dụng xe; ai là người bàn giao xe ô tô cho Cơ quan công an.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Thu T trình bày luận cứ bào chữa cho rằng đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, gia đình đã khắc phục 30.000.000 đồng cho chị N, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người có thành tích trong công tác, là giáo viên giỏi được nhiều giấy khen; bị cáo là mẹ đơn thân, con nhỏ bị khuyết tật, tự kỷ, rối loạn về hành vi; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội, ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Luật sư đề nghị áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Trong phần tranh tụng Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án giữ nguyên quan điểm của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Thu T và Phạm Mạnh C phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa mặc dù bị cáo Nguyễn Công H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình song hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Công H được chứng minh bằng lời khai của bị cáo Hoàng Thu T như: Lưu Vân A cho Hoàng Thùy T vay 1.400.000.000 đồng với lãi suất 309.000.000 đồng/tháng, Lưu Vân A đã nhờ Nguyễn Công H đòi nợ lãi, gốc T đã vay, tháng 12/2021 T đã trả Vân A tiền lãi 309.000.000 đồng/tháng qua tài khoản ngân hàng và tháng 01/2022 T đã dùng tiền cầm cố xe trả H, Vân A 200.000.000 đồng/22 ngày cho khoản vay 1.400.000.000 đồng; khoản vay 500.000.000 đồng cầm cố xe T đã phải trả lãi cho H 67.500.000 đồng/45 ngày thông qua Phạm Việt C; Nguyễn Công H bàn bạc với Lưu Vân A, Hoàng Thùy T để T đi thuê xe ô tô tự lái rồi mang xe đi cầm cố lấy tiền trả tiền lãi và gốc cho H, Vân A; H là người giới thiệu cửa hàng để T thuê xe ô tô và cửa hàng để T cầm cố xe ô tô đã thuê lấy tiền trả H, Vân A. Căn cứ vào các file ghi âm các cuộc điện thoại giữ Nguyễn Công H, Lưu Vân A, Hoàng Thu T trong khoảng thời gian diễn ra sự việc đều thể hiện việc H, Vân A thúc giục T trả tiền nợ lãi, gốc và thuê xe ô tô tự lái để đi cầm cố lấy tiền trả H, Vân A. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Phạm Việt C khẳng định H là người nhờ C và đưa số tiền 500.000.000 đồng cho C để cầm cố xe cho T nhằm ép T trả nợ và H được hưởng toàn bộ khoản tiền lãi trên khoản vay, trực tiếp cầm giấy tờ xe và xe ô tô do T cầm cố, C làm theo sự chỉ dẫn của H. Căn cứ vào lời khai của bị hại Nguyễn Duy T1 về việc H nhờ T1 cho T thuê xe tự lái, giàn xếp giúp T khát nợ T1. Các lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều phù hợp với nhau,

phù hợp với các bản kết luận giám định, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền chi tiêu và trả nợ cho các khoản vay cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2021, tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn, thành phố Hà Nội, Hoàng Thu T đã dùng thủ đoạn gian dối dưới các hình thức nhận xin học, nhận xin việc; bàn bạc với Lưu Vân A; Nguyễn Công H thuê xe ô tô rồi mang đi cầm cố để chiếm đoạt tài sản dùng để chi tiêu cá nhân và trả nợ cho Vân A và H. Sau đó Nguyễn Công H đã bàn bạc với Phạm Việt C nhận cầm cố xe ô tô do T mang đến đồng thời cho T vay lãi nặng. Cụ thể hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

- Ngày 21/3/2021, tại nhà bố mẹ đẻ của T ở xã V L, huyện B S, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Thu T đã nhận tổng số tiền 300.000.000 đồng của vợ chồng chị Hoàng Thị N và A Đình Văn Biên để nhận xin học cho con chị N là cháu Đình Công M (sinh năm 20XX) vào học tại Học viện Biên phòng sau đó chiếm đoạt rồi sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 16/01/2022, Hoàng Thu T đã nhận số tiền 108.000.000 đồng để xin việc cho chị Nguyễn Thị Thu H1 vào Bệnh viện Phụ sản Hà Nội sau đó chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

- Xuất phát từ việc Hoàng Thu T vay số tiền 1.400.000.000 đồng của Lưu Vân A, lãi suất 309.000.000 đồng/tháng nhưng do T chậm trả nên Vân A đưa Nguyễn Công H đến gặp T xác nhận số tiền cho T vay là của H để H đòi T. Nguyễn Công H, Lưu Vân A bàn bạc với Hoàng Thu T để T đi thuê xe ô tô rồi cầm cố lấy tiền trả cho H và Vân A. Ngày 26/01/2022, T thuê chiếc xe ô tô Mazda 3, Biển kiểm soát 30G-635.XX của A Nguyễn Duy T1, trị giá 617.800.000 đồng thời hạn 01 tháng (kể từ ngày 26/01/2022 đến 26/2/2022) với giá 36.000.000 đồng, đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng rồi cùng Vân A mang đến số 26 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội cầm cố cho Phạm Việt C vay với số tiền 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2022, Nguyễn Công H, Lưu Vân A và Phạm Mạnh C đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với Hoàng Thu T, cụ thể:

- Nguyễn Công H, Lưu Vân A cho Hoàng Thu T vay 1.400.000.000 đồng, lãi suất 309.000.000 đồng/01 tháng (tương đương 256%/năm), tháng

12/2021 Hoàng Thu T đã trả lãi cho H, Vân A số tiền 309.000.000 đồng/01 tháng, H, Vân A hưởng lợi bất chính 285.000.000 đồng; tháng 01/2022 Hoàng Thu T đã trả lãi cho H, Vân A số tiền 200.000.000 đồng/22 ngày (tương đương 237%/năm), hưởng lợi bất chính 183.124.000 đồng. Tổng số tiền H, Vân A hưởng lợi bất chính 468.124.000 đồng.

- Ngày 26/01/2022, Nguyễn Công H, Phạm Mạnh C đã cho Hoàng Thu T cầm cố ô tô Mazda 3, BKS: 30G-635.XX để vay 500.000.000 đồng, lãi 67.500.000 đồng/45 ngày (tương đương 109%/năm), hưởng lợi bất chính 55.171.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Công H, Hoàng Thu T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá 617.800.000 đồng của bị cáo Nguyễn Công H và chiếm đoạt tài sản, tiền tổng giá trị là 1.025.800.000 đồng của bị cáo Hoàng Thu T thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*”. Ngoài ra Nguyễn Công H và Phạm Mạnh C còn phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, hành vi “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” của Nguyễn Công H thu lợi bất chính tổng số tiền 523.295.000 đồng thuộc trường hợp “*Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*”. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Công H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Thu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phạm Việt C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng các quy định của pháp luật.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H cho rằng không đủ cơ sở quy kết bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở quy kết bị cáo Phạm Công H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

[4] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Công H, Hoàng Thu T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo Nguyễn Công H, Phạm Việt C đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy đối với các bị cáo cần phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước pháp luật mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa các loại tội phạm này nói chung.

[5] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

- Bị cáo Nguyễn Công H là người giữ vai trò chính, bị cáo là người chủ động khởi xướng ra việc phạm tội, xúi giục lôi kéo bị cáo Hoàng Thu T, Phạm Việt C cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi bắt ép người vay trả tiền lãi, thu lợi bất chính lớn từ hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

- Bị cáo Hoàng Thu T phạm tội tích cực, dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại, số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn nên cũng phải chịu mức hình phạt cao trong vụ án.

- Bị cáo Phạm Việt C phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Công H, quá trình phạm tội rất tích cực nên cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” từ 02 lần trở lên; bị cáo Hoàng Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thu T, Phạm Việt C đều thành khẩn khai báo nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo Hoàng Thu T đã bồi thường 30.000.000 đồng cho bị hại chị Hoàng Thị N, chị N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; bị cáo Hoàng Thu T là người dân tộc thiểu số, có

nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bản thân gia đình có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ mắc bệnh tự kỷ, có ông nội, ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Hoàng Thu T, Phạm Việt C.

Đối với bị cáo Phạm Việt C phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vai trò thứ yếu, không được hưởng lời từ hành vi phạm tội của mình nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính để răn đe đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Công H, Lưu Văn A, Hoàng Thu T đã chiếm đoạt 01 xe ô tô của bị hại A Nguyễn Duy T1, đến nay bị hại anh Nguyễn Duy T1 đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên Tòa không xem xét.

- Hành vi của bị cáo Lưu Văn A đã chiếm đoạt của chị Hoàng Thị N số tiền 300.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 108.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo Hoàng Thu T phải bồi thường toàn bộ trả bị hại. Trong giai đoạn chuyển bị xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo Hoàng Thu T đã bồi thường trả chị Hoàng Thị N số tiền 30.000.000 đồng nên được đối trừ đi khoản phải bồi thường, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 300.000.000 đồng - 30.000.000 đồng = 270.000.000 đồng.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với khoản tiền gốc bị cáo Hoàng Thu T vay bị cáo Lưu Văn A 1.100.000.000 đồng chưa trả và vay của bị cáo Nguyễn Công H 500.000.000 đồng chưa trả, tổng cộng 1.600.000.000 đồng là tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay nên cần buộc bị cáo Hoàng Thu T phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Khoản tiền lãi 20% khoản vay tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Nguyễn Công H thu của Hoàng Thu T là (67.500.000 đồng - 55.171.000 đồng) = 12.329.000 đồng là khoản tiền hưởng lời do hành vi phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo Nguyễn Công H phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Công H phải trả lại cho Hoàng Thu T tiền thu

lợi bất chính vượt quá 20%/năm từ việc cho vay lãi nặng, cụ thể: Nguyễn Công H phải trả 55.171.000 đồng cho Hoàng Thu T.

- Đối với toàn bộ khoản lãi trên số tiền vay 1.400.000.000 đồng mà Hoàng Thu T đã trả thì Lưu Văn A được hưởng toàn bộ nên không xem xét trong lần xét xử này.

[9] Về vật chứng: 01 điện thoại di động Sam Sung, màu xA, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động thu giữ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Công H** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** và **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**; Bị cáo **Hoàng Thu T** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**; bị cáo **Phạm Việt C** phạm tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52 (áp dụng đối với tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**), Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo **Nguyễn Công H 13 (Mười ba)** năm tù về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**, **18 (Mười tám)** tháng tù về tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **14 (Mười bốn)** năm **06 (Sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày **17/01/2023**.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thu T 13 (Mười ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày **15/3/2022**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo **Phạm Việt C 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)** để sung quỹ Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự,

Buộc bị cáo **Hoàng Thu T** phải bồi thường trả cho chị **Hoàng Thị N**

số tiền **270.000.000** đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) và trả cho chị **Nguyễn Thị Thu H1** số tiền **108.000.000** đồng (*Một trăm linh tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3. Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự,

- Buộc bị cáo Hoàng Thu T phải nộp lại 1.600.000.000 đồng là khoản tiền gốc vay chưa trả để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Công H phải nộp lại 12.329.000 đồng là khoản tiền lãi suất theo quy định 20%/năm thu của người vay để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Công H phải trả lại cho bị cáo Hoàng Thu T 55.171.000 đồng là khoản tiền thu lời bất chính vượt quá 20%/năm.

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự,

Sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Sam Sung, màu xA, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

*(Vật chứng hiện lưu giữ tại Kho vật chứng Cục thi hành án dân sự TP Hà Nội theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/3/2023 giữa Công an thành phố Hà Nội với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).*

**5. Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng khoản 2 Điều 135,

khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Công H, Hoàng Thu T, Phạm Việt C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Hoàng Thu T phải nộp 18.900.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A Dân sự thành phố Hà Nội;
- Các Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Ngọc Cảnh**